BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

NGÔ PHI HÙNG

NGHIÊN CỨU CÁC PHƯƠNG THỨC CẤU TẠO HỆ THUẬT NGỮ KHOA HỌC TỰ NHIÊN TIẾNG VIỆT

(trên tư liệu thuật ngữ Toán - Cơ - Tin học, Vật lí)

LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGỮ VĂN

NGHỆ AN - 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

NGÔ PHI HÙNG

NGHIÊN CỨU CÁC PHƯƠNG THỨC CẤU TẠO HỆ THUẬT NGỮ KHOA HỌC TỰ NHIÊN TIẾNG VIỆT

(trên tư liệu thuật ngữ Toán - Cơ - Tin học, Vật lí)

Chuyên ngành: Lí luận ngôn ngữ

Mã số: 62 22 01 01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGỮ VĂN

Người hướng dẫn khoa học:

1. GS. TS. LÊ QUANG THIÊM

2. PGS. TS. HOÀNG TRỌNG CANH

NGHỆ AN - 2014

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kì công trình nào khác.

Tác giả luận án

Ngô Phi Hùng

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Quy định viết tắt	Nghĩa
1.	A	Thành tố độc lập
2.	B	Thành tố có nghĩa, không độc lập
3.	D	Danh từ
4.	Đg	Động từ
5.	KHTN	Khoa học Tự nhiên
6.	MH	Mô hình

DANH MỤC BẢNG VÀ BIỂU ĐỒ SỐ LIỆU

Bảng 1.1. Các kí hiệu thường dùng trong Toán học 17
Bảng 1.2. Các tiêu chuẩn của thuật ngữ tiếng Việt 22
Bảng 2.1. Phân bố các kiểu thuật ngữ (từ) trong Từ điển KHTN 46
Bảng 2.2. Thuật ngữ KHTN là từ ghép 49
Bảng 2.3. Thuật ngữ KHTN là từ ghép đẳng lập 51
Bảng 2.4. Số lượng mô hình thuật ngữ KHTN là từ ghép đẳng lập 59
Bảng 2.5. Thuật ngữ KHTN là từ ghép chính phụ 60
Bảng 2.6. Thuật ngữ KHTN là từ ghép chính phụ trật tự xuôi 61
Bảng 2.7. Số lượng mô hình cấu tạo thuật ngữ KHTN là từ ghép chính phụ trật tự xuôi 67
Bảng 2.8. Thuật ngữ KHTN là từ ghép chính phụ trật tự ngược 69
Bảng 2.9. Số lượng mô hình cấu tạo thuật ngữ KHTN là từ ghép chính phụ trật tự ngược 72
Biểu đồ 2.10. Tỉ lệ các mô hình cấu tạo thuật ngữ KHTN là từ ghép đẳng lập 76
Biểu đồ 2.11. Tỉ lệ các mô hình cấu tạo thuật ngữ KHTN là từ ghép chính phụ trật tự xuôi 77
Biểu đồ 2.12. Tỉ lệ các mô hình cấu tạo thuật ngữ KHTN là từ ghép chính phụ trật tự ngược 78
Bảng 2.13. Các thành tố độc lập (đứng trước) có tần số xuất hiện cao trong thuật ngữ KHTN 79
Bảng 2.14. Các thành tố không độc lập (đứng trước) có tần số xuất hiện cao trong thuật ngữ KHTN 81
Bảng 3.1. Thuật ngữ KHTN có cấu tạo là ngữ 90
Bảng 3.2. Thuật ngữ KHTN có cấu tạo là danh ngữ 94

Bảng 3.3. Thuật ngữ KHTN có cấu tạo là động ngữ 118
Bảng 3.4. Số lượng mô hình cấu tạo thuật ngữ KHTN là động ngữ 134
Bảng 3.5. Số lượng thuật ngữ là danh ngữ thuộc mô hình: Phần phụ trước + Phần trung tâm 136
Bảng 3.6. Số lượng thuật ngữ là danh ngữ thuộc mô hình: Phần phụ trước + Phần trung tâm + Phần phụ sau 136
Bảng 3.7. Số lượng thuật ngữ là danh ngữ thuộc mô hình: Phần trung tâm + Phần phụ sau 137
Biểu đồ 3.8. Tỉ lệ thành tố tham gia cấu tạo thuật ngữ KHTN là danh ngữ 139
Bảng 3.9. Số lượng thuật ngữ là động ngữ thuộc mô hình: Phần phụ trước + Phần trung tâm 140
Bảng 3.10. Số lượng thuật ngữ là động ngữ thuộc mô hình: Phần phụ trước + Phần trung tâm + Phần phụ sau 140
Bảng 3.11. Số lượng thuật ngữ là động ngữ thuộc mô hình: Phần trung tâm + Phần phụ sau 141
Biểu đồ 3.12. Tỉ lệ thành tố tham gia cấu tạo thuật ngữ KHTN là động ngữ 142

MỤC LỤC

Trang

MỞ ĐẦU 1
1. Lí do chọn đề tài 1
2. Lịch sử vấn đề 2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu 5
4. Phương pháp nghiên cứu 6
5. Đối tượng và tư liệu nghiên cứu 7
6. Đóng góp của luận án 7
7. Bố cục của luận án 8
Chương 1. CƠ SỞ LÍ LUẬN 9
1.1. Khái niệm thuật ngữ 9
1.2. Thuật ngữ trong văn bản 12
1.3. Phân biệt thuật ngữ và danh pháp khoa học 19
1.4. Phương châm xây dựng thuật ngữ khoa học tiếng Việt 21
1.5. Về hệ thuật ngữ khoa học tự nhiên và tình hình nghiên cứu ở Việt Nam 27
1.6. Phương thức cấu tạo thuật ngữ 34
1.7. Tiểu kết chương 1 37
Chương 2. PHƯƠNG THỨC VÀ MÔ HÌNH CẤU TẠO THUẬT NGỮ KHOA HỌC TỰ NHIÊN Ở BẬC TỪ 39
2.1. Quan niệm từ - từ điển và các kiểu loại cấu trúc từ tiếng Việt 39
2.1.1. Quan niệm từ - từ điển 39
2.1.2. Các kiểu loại cấu trúc từ tiếng Việt 40
2.2. Thành tố cấu tạo thuật ngữ ở cấp độ từ 42
2.2.1. Thành tố cơ sở 43
2.2.2. Thành tố trực tiếp 43
2.3. Quan niệm mô hình cấu tạo từ và phạm vi khảo sát 44
2.3.1. Quan niệm mô hình cấu tạo từ 44
2.3.2. Phạm vi khảo sát 45

2.4. Thuật ngữ khoa học tự nhiên là từ ghép 47
2.4.1. Khái niệm từ ghép.....47
2.4.2. Thuật ngữ khoa học tự nhiên là từ ghép đẳng lập.....50
2.4.3. Thuật ngữ khoa học tự nhiên là từ ghép chính phụ.....59
2.5. Các mô hình sản sinh thuật ngữ.....73
2.5.1. Quan niệm sản sinh.....73
2.5.2. Những mô hình có sức sản sinh lớn 75
2.6. Tiểu kết chương 2 85
Chương 3. PHƯƠNG THỨC VÀ MÔ HÌNH CẤU TẠO THUẬT NGỮ KHOA HỌC TỰ NHIÊN Ở BẬC NGỮ 88
3.1. Giới hạn khái niệm và nội dung khảo sát.....88
3.1.1. Giới hạn khái niệm.....88
3.1.2. Nội dung khảo sát 89
3.2. Thuật ngữ khoa học tự nhiên có cấu tạo là danh ngữ.....91
3.2.1. Khái niệm danh ngữ.....91
3.2.2. Mô hình cấu trúc của danh ngữ 91
3.2.3. Các mô hình cấu tạo.....94
3.3. Thuật ngữ khoa học tự nhiên có cấu tạo là động ngữ.....117
3.3.1. Khái niệm động ngữ.....118
3.3.2. Các mô hình cấu tạo.....118
3.4. Những mô hình có sức sản sinh cao 135
3.5. Tiểu kết chương 3 146
KẾT LUẬN.....148
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NỘI DUNG LUẬN ÁN ĐÃ CÔNG BỐ.....151
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....152
PHỤ LỤC.....165

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

1.1. Về mặt ngôn ngữ và văn tự, trước đây, trong suốt 1000 năm Bắc thuộc và tiếp sau gần 1000 năm độc lập, tiếng Việt tồn tại trong vị thế *song ngữ bất bình đẳng* [113]. Kể từ cách mạng tháng Tám năm 1945, địa vị của tiếng Việt nói chung, chữ quốc ngữ nói riêng mới thực sự thay đổi, tiếng Việt đã trở thành ngôn ngữ quốc gia thống nhất. Vị thế của tiếng Việt thay đổi nên chức năng xã hội của tiếng Việt càng ngày càng phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu. Tiếng Việt không chỉ được dùng rộng rãi trong giao tiếp toàn xã hội, trong các văn bản pháp quy nhà nước, mà còn là công cụ được dùng để dạy học trong các cấp học, trong các lĩnh vực nghiên cứu khoa học khác nhau. Cùng với sự phát triển của xã hội, tiếng Việt cũng phát triển mạnh mẽ, toàn diện. Như một đòi hỏi khách quan và cũng là tất yếu của sự phát triển ngôn ngữ, một hệ thuật ngữ khoa học tiếng Việt ra đời để đáp ứng nhu cầu giáo dục đào tạo và nghiên cứu khoa học. Cũng vì thế, thuật ngữ là một trong những lĩnh vực trở thành đối tượng nghiên cứu cần yếu của Việt ngữ học.

1.2. Từ những năm đầu thế kỉ XX, đặc biệt là từ những năm 40 về sau, việc biên soạn thuật ngữ tiếng Việt có những bước phát triển. Năm 1942 cuốn *Danh từ khoa học* của tác giả Hoàng Xuân Hãn ra đời, là mốc đánh dấu hệ thuật ngữ khoa học tự nhiên (KHTN) và công nghệ Việt Nam hình thành, bước phát triển đầu tiên của thuật ngữ khoa học tiếng Việt. Tiếp theo, sau 1945, hàng loạt thuật ngữ Hóa học, Sinh học lần lượt được xuất bản; nội dung khoa học được nâng lên một bước và phát triển theo định hướng: chính xác, hệ thống, quốc tế và dân tộc. Đến nay, cùng với sự phát triển sâu rộng của các ngành khoa học, hệ thống thuật ngữ tiếng Việt, nhất là hệ thống thuật ngữ các ngành KHTN đã phát triển nhanh chóng, mạnh mẽ không chỉ về từng thuật ngữ đơn lẻ

mà cả hệ thống. Nghiên cứu thuật ngữ tiếng Việt tuy đã có nhiều thành tựu nhưng còn rất nhiều vấn đề của thuật ngữ cần đào sâu, trong đó có vấn đề chuẩn hóa trong thời kì mới.

1.3. Từ trước đến nay, nói đến xây dựng, phát triển thuật ngữ, người ta đề cập đến nhiều con đường như: thuật ngữ hóa từ thông thường, tạo thuật ngữ trên cơ sở ngữ liệu vốn có, vay mượn thuật ngữ nước ngoài. Trong đó, con đường cấu tạo thuật ngữ mới có ý nghĩa quan trọng, vì nó sử dụng chất liệu ngôn ngữ dân tộc. Chính vì vậy, việc đi sâu nghiên cứu các phương thức cấu tạo của hệ thuật ngữ KHTN trong tiếng Việt là cần thiết, góp phần vào quá trình xây dựng và chuẩn hóa hệ thuật ngữ tiếng Việt nói chung và hệ thuật ngữ KHTN nói riêng theo phương châm: khoa học (chính xác, hệ thống), quốc tế và dân tộc. Mặt khác, hiểu rõ các đặc điểm cấu tạo của hệ thuật ngữ KHTN tiếng Việt cũng sẽ góp phần vào việc khẳng định vai trò của tiếng Việt trong lĩnh vực khoa học, góp phần vào quá trình truyền bá tri thức, phát triển khoa học ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu của luận án có thể được sử dụng vào việc biên soạn từ điển, tạo điều kiện cho việc giảng dạy và học tập tốt hệ thuật ngữ khoa học tiếng Việt nói chung và hệ thuật ngữ KHTN nói riêng.

2. Lịch sử vấn đề

Mặc dù vấn đề thuật ngữ đã được quan tâm từ rất lâu, nhưng phải đến thế kỉ XX, Thuật ngữ học mới thực sự được khẳng định như một ngành khoa học. Việc nghiên cứu thuật ngữ xuất phát từ hai vấn đề nền tảng: thứ nhất là do kết quả quan sát quá trình hình thành lí thuyết nhằm đáp ứng sự ra đời của một bộ phận từ ngữ đặc biệt trong ngôn ngữ chuyên môn; thứ hai là do trên thực tế, trong giao tiếp, nhóm từ ngữ đặc biệt này được coi như những từ ngữ có ứng dụng độc lập.

Trên thực tế, thuật ngữ ra đời và được sử dụng trước khi người ta tìm cách định nghĩa chúng. Bên cạnh cái chung, mỗi ngành khoa học đều tạo